

MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NGÀNH QUỐC TẾ HỌC TẠI VIỆT NAM

Phan Thị Yến*

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

Nhận bài: 18/09/2017; Hoàn thành phản biện: 28/10/2018; Duyệt đăng: 25/03/2018

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng trong đề tài mã số B2017-ĐN05-13

Tóm tắt: Mục tiêu của giáo dục Việt Nam là chủ động hội nhập và nâng cao chất lượng đào tạo. Việc xây dựng mô hình đánh giá năng lực đầu ra của sinh viên là cơ sở để điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Năng lực đầu ra của sinh viên phản ánh hiện thực quá trình giáo dục và đào tạo của nhà trường. Trong xu thế cạnh tranh toàn cầu, các trường đại học chú trọng vào việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng cạnh tranh và đủ năng lực tham gia vào thị trường lao động quốc tế. Sinh viên ngành Quốc tế học được đào tạo về các lĩnh vực quốc tế vì vậy việc đánh giá năng lực đầu ra là tiền đề nhằm khẳng định vị thế chất lượng của nguồn nhân lực từ ngành đào tạo này.

Từ khóa: Mô hình đánh giá, năng lực đầu ra, Quốc tế học, đánh giá năng lực, chất lượng đào tạo

1. Mở đầu

Mong đợi của người sử dụng lao động là lựa chọn được người lao động có năng lực phù hợp với vị trí công tác nhằm tạo sự phát triển cho đơn vị. Vì thế nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng nhu cầu của xã hội. Ngành Quốc tế học đã và đang được các trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh đào tạo hơn 10 năm nay. Đây là một trong những ngành học có tính đa dạng trong nội dung chương trình đào tạo. Vì thế việc đánh giá năng lực đầu ra của sinh viên tốt nghiệp là việc làm rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Đánh giá năng lực người học là khâu quan trọng, là công đoạn cuối cùng của quá trình dạy học nhưng là khâu mở đầu cho một quá trình mới ở mức cao hơn. Chính vì là khâu quan trọng nên từ năm 2010, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo để hướng dẫn cơ sở giáo dục công bố chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo. Đây là nhiệm vụ trọng tâm góp phần nâng cao chất lượng và cam kết chất lượng đào tạo với xã hội.

Một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục là đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội. Để xác định được mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của sản phẩm đào tạo, nhà trường cần có những khảo sát, đánh giá thông qua nhà tuyển dụng - đơn vị trực tiếp sử dụng sản phẩm đào tạo. Nói đến chất lượng và hiệu quả đào tạo là nói đến mục đích chính và kết quả thực tế của mọi quá trình đào tạo của nhà trường và rộng hơn là của toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân. Đánh giá chất lượng và hiệu quả đào tạo là việc làm thường xuyên, liên tục của mọi cơ sở đào tạo trong ngành giáo dục tại Việt Nam. Việc đánh giá có thể tiến hành nhiều cách nhưng đáng tin cậy nhất là trực tiếp đánh giá trên đối tượng sử dụng lao động (sản phẩm đào tạo) để lượng hóa mức độ đáp ứng công việc và nhu cầu của xã hội.

* Email: ptyen@ufl.udn.vn

Việc xây dựng và áp dụng mô hình đánh giá năng lực của sinh viên tốt nghiệp giúp các cơ sở giáo dục và các bên liên quan xác định được mức độ đáp ứng năng lực so với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố. Đồng thời giúp người tốt nghiệp xác định được năng lực của bản thân khi lựa chọn vị trí công việc phù hợp và bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết trong quá trình làm việc và nghiên cứu.

2. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp tổng quan, phân tích tài liệu liên quan đến chuẩn đầu ra, năng lực đầu ra, các mô hình đánh giá năng lực người học; sử dụng phương pháp định lượng bằng việc xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực sinh viên vừa tốt nghiệp ngành Quốc tế học. Công cụ khảo sát là bảng hỏi gồm 82 tiêu chí, sử dụng thang đo Likert để đánh giá.

3. Nghiên cứu về chuẩn đầu ra và năng lực người học

3.1. Chuẩn đầu ra

Tác giả Stephan Adam (2006) đã đưa ra khái niệm về chuẩn đầu ra (CĐR) “là phát biểu về những gì người học được dự kiến sẽ biết, hiểu hoặc có thể chứng minh vào thời điểm cuối của quá trình học tập”. Tác giả Gloria Rogers (2003) đã cho rằng chuẩn đầu ra là “phát biểu mô tả những gì sinh viên biết được hoặc có thể làm được sau thời gian học tại trường. Nếu sinh viên đạt được những kết quả đầu ra đó thì nhà trường đã thành công với mục tiêu giáo dục của mình”.

Chính vì chuẩn đầu ra là kết quả mong đợi của quá trình đào tạo nên mỗi chương trình đào tạo (CTĐT) đều được xây dựng các CĐR nhằm công bố cho người học trước khi bắt đầu quá trình đào tạo. Bộ giáo dục và Đào tạo (2010) cũng đã ban hành các văn bản về việc xây dựng CĐR, công khai cam kết chất lượng đào tạo, các điều kiện về đảm bảo chất lượng giáo dục. Năm 2010, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đại học, các trường đại học, cao đẳng đã tổ chức xây dựng và công bố CĐR các ngành nghề đào tạo của trường.

Như vậy, CĐR là sự khẳng định của những điều kỳ vọng, mong muốn một người tốt nghiệp có khả năng làm được nhờ kết quả của quá trình đào tạo. CĐR là quy định về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo.

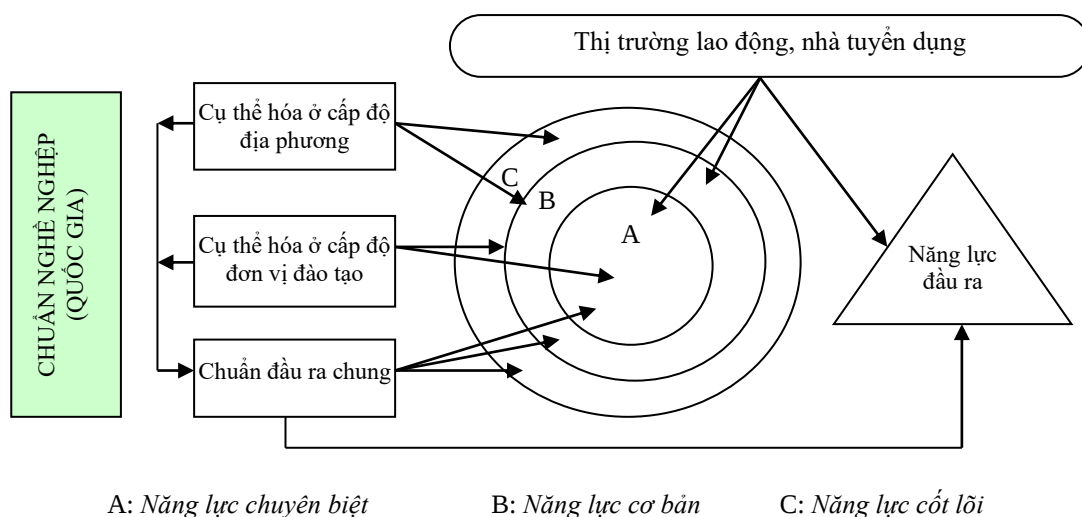
3.2. Năng lực đầu ra

Có thể hiểu, chuẩn đầu ra như lời cam kết của nhà trường đối với xã hội về những kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi, qua đó, khẳng định những năng lực lao động cụ thể mà sinh viên sẽ thực hiện được sau khi được đào tạo tại nhà trường.

Theo Dooley, Paprock, Sun & Gonzalez (2001), khái niệm năng lực (competency) có nguồn gốc tiếng La tinh “competentia”. Ngày nay khái niệm năng lực được hiểu nhiều nghĩa khác nhau. Năng lực được hiểu như sự thành thạo, khả năng thực hiện của cá nhân đối với một công việc. Khái niệm năng lực được dùng ở đây là đối tượng của tâm lý, giáo dục học. Năng lực là một thuộc tính tâm lý phức hợp, là điểm hội tụ của nhiều yếu tố như tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm, sự sẵn sàng hành động và trách nhiệm.

Năng lực được xây dựng trên cơ sở tri thức, thiết lập qua giá trị, cấu trúc như là các khả năng, hình thành qua trải nghiệm, củng cố qua kinh nghiệm, hiện thực hóa qua ý chí. Bên cạnh đó, các yếu tố như chuẩn nghề nghiệp, nhu cầu của thị trường lao động, các nhà tuyển dụng tại thời điểm (giai đoạn) thiết kế chương trình cũng cần được tính đến với tư cách là các yếu tố chi phối (trong một số trường hợp cụ thể “Chuẩn nghề nghiệp” cũng có thể được hiểu như là “Năng lực cần hình thành”).

Ở Việt Nam, khái niệm năng lực cũng thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và xã hội khi giáo dục đang thực hiện công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện, chuyển từ giáo dục kiến thức sang giáo dục năng lực. Khái niệm này cũng được định nghĩa khá tương đồng với các định nghĩa mà các nhà nghiên cứu trên thế giới đưa ra. Các nhà tâm lý học cho rằng năng lực là tổng hợp các đặc điểm, thuộc tính tâm lý của cá nhân phù hợp với yêu cầu đặc trưng của một hoạt động nhất định nhằm đảm bảo cho hoạt động đó đạt hiệu quả cao. Người ta cũng chia năng lực thành năng lực chung, cốt lõi và năng lực chuyên môn, trong đó, năng lực chung, cốt lõi là năng lực cơ bản cần thiết làm nền tảng để phát triển năng lực chuyên môn. Năng lực chuyên môn là năng lực đặc trưng ở những lĩnh vực nhất định, ví dụ như năng lực toán học, năng lực ngôn ngữ. Tuy nhiên, năng lực chung cốt lõi và năng lực chuyên môn không tách rời mà quan hệ chặt chẽ với nhau. Năng lực đầu ra của người học được hình thành trên cơ sở thực hiện quá trình đào tạo, đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu ra thông qua việc hình thành các năng lực chuyên biệt, năng lực cá nhân và năng lực cốt lõi, được mô hình hóa ở Hình 1.



Hình 1. Cấu trúc hình thành năng lực đầu ra

Tác giả Trần Khánh Đức (2013), trong “Nghiên cứu nhu cầu và xây dựng mô hình đào tạo theo năng lực trong lĩnh vực giáo dục” đã nêu rõ năng lực là “khả năng tiếp nhận và vận dụng tổng hợp, có hiệu quả mọi tiềm năng của con người (tri thức, kỹ năng, thái độ, thể lực, niềm tin...) để thực hiện công việc hoặc đối phó với một tình huống, trạng thái nào đó trong cuộc sống và lao động nghề nghiệp.

Tóm lại, năng lực đầu ra là kết quả mong đợi cuối cùng đạt ra mức độ tối thiểu mà người học cần phải thực hiện được về mặt kiến thức và các năng lực hoạt động nghề nghiệp chuyên

môn được đào tạo. Hay nói cách khác là những quy định về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo.

3.3. Đánh giá năng lực người học

Việc đánh giá kết quả học tập của người học là thông qua kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học đã đạt được sau quá trình học tập. Trong tài liệu “Kiểm định CTĐT ở Việt Nam”, tác giả Ngô Doãn Đãi (2008) đã cho rằng mục đích của đánh giá đầu ra là nhằm xem xét sản phẩm đào tạo đạt chất lượng đến mức nào. Vì thế các nội dung đánh giá tập trung vào kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị hệ thống của người tốt nghiệp.

Đánh giá năng lực người học thông qua dự án nhằm đánh giá năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sử dụng ngôn ngữ; đánh giá thông qua hồ sơ học tập nhằm đánh giá năng lực tạo lập văn bản, thông qua các bài kiểm tra, phỏng vấn, quan sát... được sử dụng để đánh giá năng lực người học.

Đánh giá năng lực đầu ra của người học được căn cứ vào các tiêu chí CĐR của từng học phần và của CTĐT đã được được công bố cho người học. Đánh giá theo năng lực chủ yếu là thu thập và phân tích các thông tin về kết quả đạt được của người học so với mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, để các phương pháp đánh giá theo năng lực đạt chất lượng theo yêu cầu, giáo viên phải đánh giá bằng nhiều hình thức và thông qua nhiều công cụ. Nếu năng lực được coi như là khả năng sử dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ một cách kết hợp để giải quyết các vấn đề trong những bối cảnh cụ thể thì các chương trình giảng dạy và các phương pháp đánh giá cũng phải kết hợp cả ba yếu tố này (Trần Khánh Đức, 2013).

3.4. Mô hình đánh giá năng lực người học

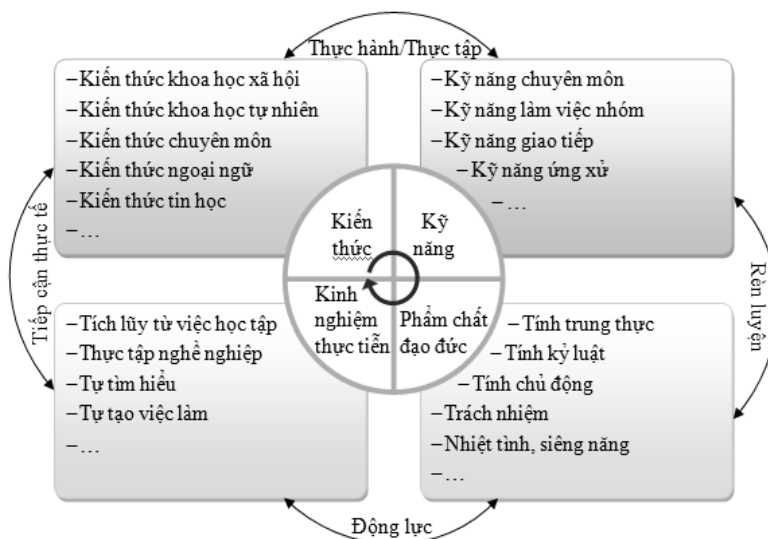
Đánh giá năng lực người học, ở đây chủ yếu nói về đánh giá năng lực người học đại học, được thực hiện trên cơ sở đánh giá mức độ đáp ứng năng lực đầu ra của chương trình đào tạo dựa vào việc phân tích, tổng hợp kết quả điều tra thị trường lao động, yêu cầu của nhà tuyển dụng đảm bảo: đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng của bậc học, ngành học; đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp tương lai (chuẩn nghề nghiệp); đáp ứng yêu cầu phát triển của từng cá nhân (Dooley và cộng sự, 2001). Điều này thể hiện qua 3 mức:

Mức 1: sinh viên có kiến thức cơ bản để ứng dụng năng lực theo hướng dẫn trong những nội dung giới hạn, trường hợp mẫu, có khả năng giải quyết những nhiệm vụ đơn giản (năm thứ 1, 2)

Mức 2: sinh viên có thể ứng dụng một số năng lực độc lập để giải quyết các tình huống (được chuẩn bị trước), các nhiệm vụ tương đối phức tạp (nâng cao)

Mức 3: sinh viên có thể ứng dụng các năng lực độc lập để giải quyết các tình huống khác nhau, đa dạng, phức tạp trong thực tế dưới sự huy động các kỹ năng đã được lĩnh hội (quản lý, tổ chức, vận dụng các kỹ năng theo tình huống).

Theo Lê Chi Lan (2015), người sử dụng lao động đưa ra những yêu cầu chung về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và kinh nghiệm thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp (Hình 2).

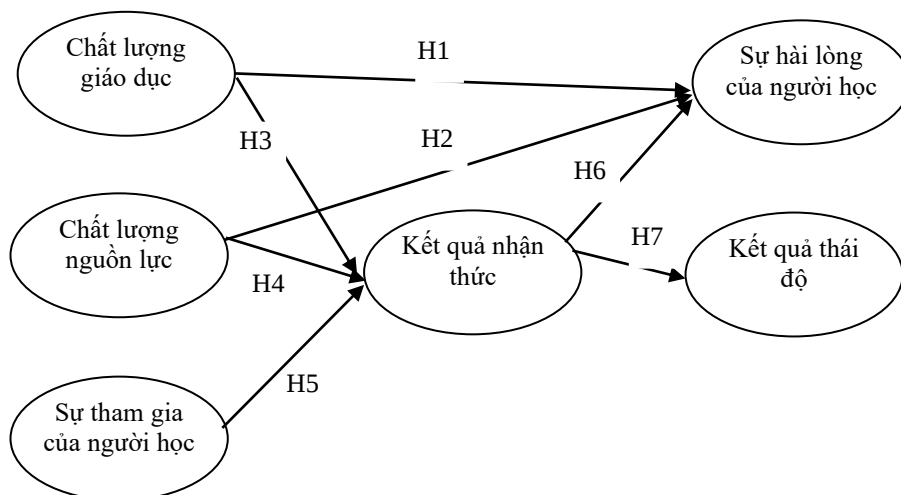


Hình 2. Yêu cầu chung của người sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp

(Trích nguồn: Lê Chi Lan, 2014)

Như vậy, sinh viên tốt nghiệp cần phải đáp ứng các yêu cầu chuẩn đầu ra của ngành học thông qua quá trình hoàn thành khóa học, trải nghiệm thực tế và quá trình rèn luyện của bản thân. Đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp là đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu của chuẩn đầu ra, cao hơn nữa là đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Tác giả Duque & Weeks (2010) đã nghiên cứu và đề xuất mô hình đánh giá năng lực người học thông qua việc đánh giá mức độ nhận thức và sự hài lòng của người học đối với chất lượng giáo dục và các nguồn lực hỗ trợ của sinh viên với các yếu tố cốt lõi thể hiện ở hình 3.



Hình 3. Mô hình đánh giá kết quả học tập của sinh viên

H1: Nhận thức cao về chất lượng sẽ ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của người học;

H2: Nhận thức cao về nguồn lực sẽ ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của người học;

H3: Nhận thức cao về chất lượng sẽ ảnh hưởng tích cực đến năng lực nhận thức của người học;

H4: Nhận thức cao về nguồn lực sẽ ảnh hưởng tích cực đến năng lực nhận thức của người học;

H5: Sự tham gia của người học sẽ ảnh hưởng tích cực đến năng lực nhận thức của người học;

H6: Năng lực nhận thức sẽ ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của người học;

H7: Năng lực nhận thức sẽ ảnh hưởng tích cực đến kết quả đầu ra.

Mô hình đã đưa ra mối tương quan giữa các yếu tố, nếu nhận thức chất lượng giáo dục và nguồn lực cao hơn sẽ có tác động tích cực đến sự hài lòng của người học và kết quả nhận thức. Sự tham gia của người học sẽ ảnh hưởng đến nhận thức của người học; kết quả nhận thức sẽ ảnh hưởng tích cực đến sự thỏa mãn của người học và kết quả nhận thức sẽ ảnh hưởng tích cực đến kết quả thái độ.

Ngoài ra, để đánh giá kết quả đầu ra, tác giả đã đưa ra 13 tiêu chí đánh giá năng lực của học sinh đối với môn Địa lý về kiến thức và kỹ năng, 9 tiêu chí đánh giá chất lượng đối với giảng viên, cán bộ phục vụ và nguồn lực.

Tác giả Ohia (2006) đã đưa ra mô hình sử dụng để đánh giá và ghi lại những bằng chứng thuyết phục về kết quả học tập của người học và hiệu quả của cơ sở giáo dục. Mô hình gồm sáu bước trên cơ sở phát triển mô hình năm bước của Nichol và đã chứng tỏ được hiệu quả trong việc đánh giá và lập hồ sơ cho cơ sở giáo dục. Các bước đánh giá được viết tắt FAMOUS (là những chữ cái đầu trong các bước đánh giá):

B1: (Formulate) Xây dựng các tuyên bố về kết quả/mục tiêu phù hợp với sứ mệnh/mục tiêu của tổ chức

B2: (Ascertain) Xác định các tiêu chí để thành công

B3: (Measure) Đo lường hiệu suất sử dụng trực tiếp và gián tiếp

B4: (Observe) Quan sát và phân tích các kết quả phù hợp với mong đợi và thực tế

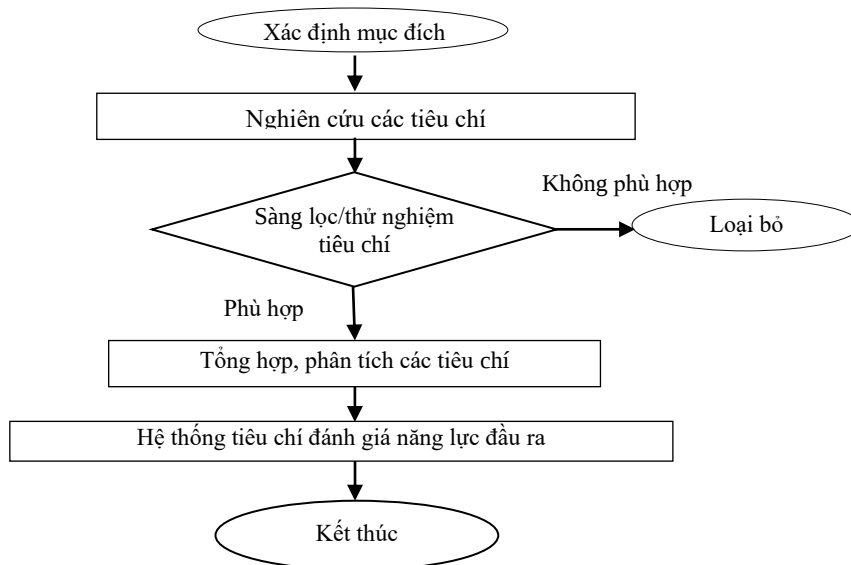
B5: (Use) Sử dụng kết quả để cải thiện hiệu quả các chương trình và dịch vụ

B6: (Strengthen) Tăng cường các chương trình và dịch vụ bằng cách thực hiện kế hoạch hành động cải tiến liên quan đến quy trình lập kế hoạch và ngân sách.

Tóm lại, việc đánh giá năng lực người học bao gồm các hoạt động tự đánh giá của người học, đánh giá của giảng viên trong suốt quá trình thực hiện CTĐT, đánh giá của nhà tuyển dụng. Mỗi quốc gia, mỗi đơn vị đào tạo có một cách đánh giá khác nhau nhưng cốt lõi vẫn là tìm ra mức độ đáp ứng của người học sau quá trình đào tạo so với CĐR đã công bố.

4. Đánh giá năng lực đầu ra của sinh viên tốt nghiệp ngành Quốc tế học

Ngành Quốc tế học cũng như các ngành đào tạo khác, việc đánh giá năng lực người học là rất cần thiết giúp cho Nhà trường xác định được mức độ đáp ứng của người học đối với CDR, giúp cho người học tự xác định được năng lực của bản thân trước khi chuyển sang giai đoạn mới-làm việc và học tập nâng cao trình độ. Việc thiết kế công cụ đánh giá được thực hiện theo quy trình ở hình 4.



Hình 4. Quy trình xây dựng công cụ đánh giá năng lực đầu ra

Thiết kế bộ công cụ đánh giá gồm 4 tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực làm việc và học tập với 20 tiêu chí, 82 chỉ báo để khảo sát năng lực của 167 sinh viên ngành Quốc tế học khóa 2013-2017 của Trường ĐHNN - ĐHĐN, Trường ĐHKH, XH&NV - ĐHQG HN, Trường ĐHNN, ĐH Huế trước khi tốt nghiệp. Các tiêu chí, chỉ báo được sử dụng thang đo Likert để đánh giá, trong đó có 1 chỉ báo về chứng chỉ ngoại ngữ không sử dụng thang đo, chỉ hỏi về mức độ đạt được các loại chứng chỉ theo yêu cầu của CDR. Thang đo được sử dụng trong nghiên cứu này là kết hợp giữa thang năng lực của Bloom và Likert để đưa ra 5 nhóm như sau: 1-biết; 2-hiểu, 3-vận dụng; 4-thực hành thành thạo; 5-sáng tạo.

4.1. Xử lý bộ công cụ

Sử dụng phần mềm ConQuest để đánh giá bộ công cụ, kết quả cho thấy:

Độ tin cậy của thang đo qua khảo sát sinh viên khá cao, tuy nhiên qua phân tích cho thấy sau khi loại bỏ 2 câu hỏi (24. Xây dựng và phân biện các chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế và 62. Năng lực ngoại ngữ), độ tin cậy đối với bộ tiêu chí đạt 0,98. Tỷ lệ này khá cao, chứng tỏ đã xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến trong hồi quy vì vậy sau khi loại bỏ các câu hỏi trùng lặp và xử lý các item đại diện, kết quả độ tin cậy của thang đo:

Thống kê độ tin cậy

Giá trị Cronbach Alpha	Số biến quan sát
.942	20

Sử dụng phần mềm SPSS để kiểm tra độ tin cậy của thang đo, cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của thang đo này cũng đạt 0,942. Vì vậy, các biến quan sát đều được chấp nhận và sẽ được sử dụng trong phân tích nhân tố tiếp theo.

4.2. Đánh giá dựa vào năng lực tri thức

Đánh giá năng lực tri thức là đánh giá khả năng thu nhận tri thức liên quan tới việc ghi nhớ, tái hiện lại các sự vật, hiện tượng thông qua việc thực hiện các chương trình đào tạo của khóa học. Kết quả tự đánh giá của sinh viên được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Kết quả tự đánh giá năng lực tri thức

		Sinh viên tự đánh giá	
		Số biến quan sát N of items	Phần trăm Percent
TC1^a	Biết	572	23.4%
	Hiểu	827	33.8%
	Vận dụng	707	28.9%
	Thực hành thành thạo	272	11.1%
	Sáng tạo	70	2.9%
Tổng cộng Total		2448	100.0%

Đối với tiêu chuẩn về kiến thức, có 23,4% sinh viên cho rằng chỉ đạt được ở mức độ biết, 33,8% đạt năng lực hiểu, 28,9% đạt năng lực vận dụng, 11,1% đạt ở mức thực hành thành thạo và chỉ có 2,9% tự đánh giá ở mức sáng tạo.

Nhà tuyển dụng đánh giá năng lực tri thức của sinh viên ngành Quốc tế học như bảng 2.

Bảng 2. Kết quả nhà tuyển dụng (DN) đánh giá năng lực tri thức của SV QTH

	Tần số Frequency	Phần trăm Percent	Phần trăm hợp lệ Valid percent	Phần trăm tích lũy Cumulative percent	
Hợp lệ Valid	Biết	1	2.1	2.1	2.1
	Hiểu	12	25.5	25.5	27.7
	Vận dụng	20	42.6	42.6	70.2
	Thực hành thành thạo	14	29.8	29.8	100.0
	Tổng Total	47	100.0	100.0	

Qua kết quả bảng 2 cho thấy, tỷ lệ DN đánh giá kiến thức chung và chuyên môn của sinh viên ĐPH ở mức 3-vận dụng là lớn nhất chiếm 42,6%, trong khi đó có 1 DN đánh giá sinh viên chỉ đạt ở mức 1-biết. Cũng có 14 DN chiếm 29,8% đánh giá sinh viên đạt mức 4-thực hành thành thạo. Không có sinh viên đạt mức 5-sáng tạo.

Qua đó chúng tôi sinh viên sau khi hoàn thành CTĐT ngành QTH hiểu kiến thức và vận dụng có tỷ lệ khá cao, tuy nhiên chưa đạt mức thực hành thành thạo và sáng tạo.

4.3. Đánh giá dựa vào năng lực thực hành

Đánh giá dựa vào năng lực thực hành là khả năng giao tiếp, tranh luận, tổ chức thông tin, phân tích hệ thống, tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và hình thành những ý tưởng có giá trị; đánh giá căn cứ vào mức độ đạt được các kỹ năng nghề nghiệp, nghiên cứu, khám phá kiến thức vận dụng vào thực tế công việc của bản thân. Kết quả phân tích được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Kết quả tự đánh giá năng lực thực hành

		Phản hồi Response	
		Số biến quan sát N of items	Phần trăm Percent
TC2^a	Biết	1067	16.5%
	Hiểu	1792	27.6%
	Vận dụng	2344	36.1%
	Thực hành thành thạo	990	15.3%
	Sáng tạo	293	4.5%
Tổng cộng Total		6486	100.0%

Đối với tiêu chuẩn về kỹ năng, kết quả cho thấy có 16,5% sinh viên tự đánh giá ở mức biết; 27,6% hiểu; 36,1% vận dụng; 15,5% thực hành thành thạo; 4,5% sáng tạo.

Bảng 4. Kết quả DN đánh giá năng lực thực hành của SV QTH

Biến quan sát N of items		12	13	14	15	16	17	18	Phần trăm (%)
Hợp lệ Valid	0	1			2	1	1		1.52
	Biết	0	7	1	0	1	2	2	3.95
	Hiểu	24	12	3	2	4	5	4	16.41
	Vận dụng	12	15	23	9	14	19	16	32.83
	Thực hành thành thạo	5	7	14	29	14	15	19	31.31
	Sáng tạo	5	6	6	5	13	5	6	13.98
	Tổng số Total	47	47	47	47	47	47	47	100.00

Đối với năng lực thực hành, tỷ lệ DN đánh giá sinh viên ở mức Biết chiếm tỷ lệ 3,95%, Hiểu chiếm 16,41%, Vận dụng chiếm 32,83%, cao nhất trong 5 mức năng lực, Thực hành thành thạo chiếm 31,31% và Sáng tạo chiếm 13,98%. DN đã đánh giá rất cao năng lực của sinh viên ngành Đông phương học thực tập trải nghiệm tại đơn vị.

Điều này chứng tỏ sinh viên sau khi hoàn thành CTĐT ngành QTH đã hình thành được các kỹ năng về vận dụng và có năng lực thực hành thành thạo các kỹ năng trong công việc.

4.4. Đánh giá phẩm chất đạo đức

Đánh giá phẩm chất đạo đức dựa vào việc hình thành đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội. Kết quả tự đánh giá được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5. Kết quả tự đánh giá phẩm chất đạo đức

		Phản hồi Response	
		Số biến quan sát N of items	Phần trăm Percent
TC3^a	Biết	53	3.2%
	Hiểu	167	10.2%
	Vận dụng	332	20.2%
	Thực hành thành thạo	852	52.0%
	Sáng tạo	236	14.4%
Tổng số Total		1640	100.0%

Sinh viên tự đánh giá về phẩm chất đạo đức phần lớn ở nhóm vận dụng, thực hành thành thạo và sáng tạo. Đặc biệt đối với tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức tỷ lệ tự đánh giá ở nhóm thực hành thành thạo chiếm 52% và sáng tạo 14,4%.

Bảng 6. Kết quả DN đánh giá phẩm chất đạo đức của SV QTH

		19	20	21	22	23	24	25	Phần trăm (%)
Hợp lệ Valid	0				1	2			0.91
	Biết	1	3		2	5	7	6	7.29
	Hiểu	12	12	7	4	8	12	6	18.54
	Vận dụng	16	7	20	19	17	14	16	33.13
	Thực hành thành thạo	10	24	14	16	9	10	13	29.18
	Sáng tạo	8	1	6	5	6	4	6	10.94
	Tổng số Total	47	47	47	47	47	47	47	100.00

Đối với các tiêu chí đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm, tỷ lệ DN đánh giá năng lực sinh viên ngành ĐPH ở mức vận dụng chiếm tỷ lệ cao nhất 33,13%. Ngoài ra, tỷ lệ đánh giá ở mức Thực hành thành thạo cũng khá cao 29,18%, mức Sáng tạo có 10,94%. Đây cũng là CĐR được đánh giá ở mức cao so với các nội dung của CĐR của CTĐT.

4.5. Đánh giá năng lực việc làm và học tập

Năng lực làm việc và học tập nâng cao trình độ của sinh viên hoàn thành CTĐT ngành QTH được thể hiện ở bảng 7.

Bảng 7. Kết quả tự đánh giá năng lực làm việc và học tập

		Phản hồi Response	
		Số biến quan sát N of items	Phần trăm Percent
TC4^a	Biết	216	16.3%
	Hiểu	385	29.0%
	Vận dụng	354	26.7%
	Thực hành thành thạo	219	16.5%
	Sáng tạo	154	11.6%
Tổng số Total		1328	100.0%

Sinh viên ngành QTH của Trường ĐHNN-ĐHĐN và ĐHNN, ĐH Huế có thời gian 2 tháng trải nghiệm ở các vị trí việc làm khác nhau tại các đơn vị lao động. Vì thế tỷ lệ tự đánh giá

năng lực việc làm và học tập đạt ở nhóm 3, 4, 5 cao hơn so với sinh viên của Trường ĐHKH, XH&NV - ĐHQG HN.

Bảng 8. Mức độ phù hợp vị trí việc làm với năng lực của SV tốt nghiệp ngành QTH

		Tần số Frequency	Phần trăm Percent	Phần trăm hợp lệ Valid percent	Phần trăm tích lũy Cumulative percent
Hợp lệ Valid	Có phù hợp	43	91.5	93.5	93.5
	Chưa phù hợp	3	6.4	6.5	100.0
	Tổng Total	46	97.9	100.0	
Thiếu Missing	Hệ thống System	1	2.1		
Tổng số Total		47	100.0		

DN đã đánh giá cao về sự phù hợp của ngành đào tạo với yêu cầu việc làm của DN, cụ thể có 91,5% DN đánh giá sinh viên tốt nghiệp ngành QTH phù hợp với thực tế vị trí việc làm của đơn vị.

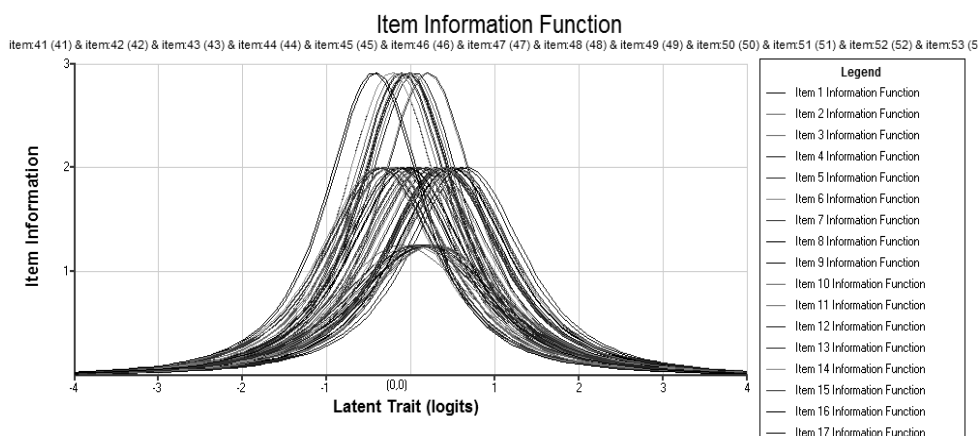
Điều này là cơ sở để Khoa và Nhà trường tăng cường hơn nữa công tác quảng bá tuyển sinh đối với ngành đào tạo này và cũng là cơ sở để tư vấn việc làm cho sinh viên đang theo học và nguồn sinh viên tiềm năng.

5. Bàn luận về đánh giá năng lực đầu ra của sinh viên ngành QTH

Việc đánh giá năng lực đầu ra của sinh viên ngành QTH cần thiết được thực hiện thông qua việc tự đánh giá của người học, đánh giá của giảng viên và của nhà sử dụng lao động. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên tự đánh giá khá khách quan năng lực của bản thân đối với 4 khối năng lực hình thành năng lực đầu ra của người học gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực làm việc và học tập.

5.1. Kết quả tự đánh giá

Với bộ công cụ đánh giá năng lực đã được thử nghiệm đối với sinh viên đang hoàn thành CTĐT ngành QTH cho thấy biểu đồ phân bố từng câu tương đối tốt, thể hiện ở hình 5.



Hình 5. Biểu đồ thông tin từng câu hỏi trong bộ công cụ đo

Sau khi loại bỏ 2 câu hỏi (24 và 62) cho thấy các câu hỏi còn lại có phân bố chuẩn. Thang đo được sử dụng trong bộ công cụ là phù hợp với nội dung và đối tượng được đo.

Ở từng tiêu chí/ chỉ báo cần quan tâm đến chất lượng các học phần tạo nên từng năng lực cụ thể cho người học.

5.2. Kết quả học tập - Giảng viên đánh giá

Chất lượng sinh viên ngành Quốc tế học các trường đã tốt nghiệp năm 2016 được thể hiện ở bảng 9.

Bảng 9. Tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của sinh viên ngành Quốc tế học khóa 2012-2016

Trường	Tổng số	Xuất sắc (%)	Giỏi (%)	Khá (%)	Trung bình (%)
ĐHNN-ĐHĐN	96	1,04	21,92	72,87	4,17
ĐH KH, XH&NV-ĐHQG HN	54	1,85	40,74	57,41	-
ĐHNN-ĐH Huế	39	-	7,70	87,20	-

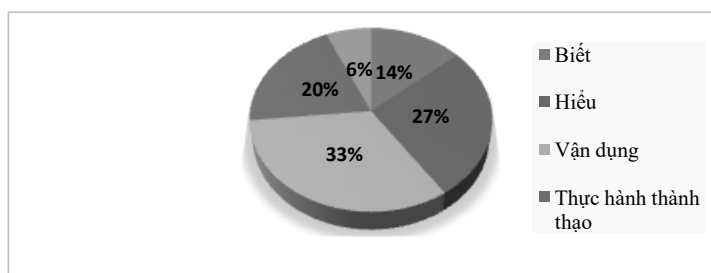
Nguồn: Ba công khai của các trường

Căn cứ vào điểm tích lũy, điểm rèn luyện của sinh viên sau khi kết thúc năm thứ ba để cho đăng ký viết khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần chuyên môn cuối khóa. Tỷ lệ được làm khóa luận dao động từ 15-20% tổng số sinh viên.

Việc đánh giá năng lực của sinh viên trước khi tốt nghiệp hiện nay ở các trường chỉ dựa vào điểm tích lũy, điểm rèn luyện và chứng chỉ ngoại ngữ. Điều này chưa đánh giá chi tiết năng lực của từng sinh viên đối với mục tiêu ban đầu đã đưa ra (CĐR của CTĐT).

5.3. So sánh kết quả học tập và tự đánh giá năng lực đầu ra

Xem xét tổng hợp kết quả tự đánh giá năng lực đầu ra của sinh viên trước khi tốt nghiệp cho thấy tỷ lệ sinh viên tự đánh giá năng lực bản thân ở nhóm 1-Biết, 2-Hiểu chiếm tỷ lệ rất lớn, cụ thể ở hình 6.



Hình 6. Tổng hợp kết quả tự đánh giá năng lực đầu ra của sinh viên Quốc tế học

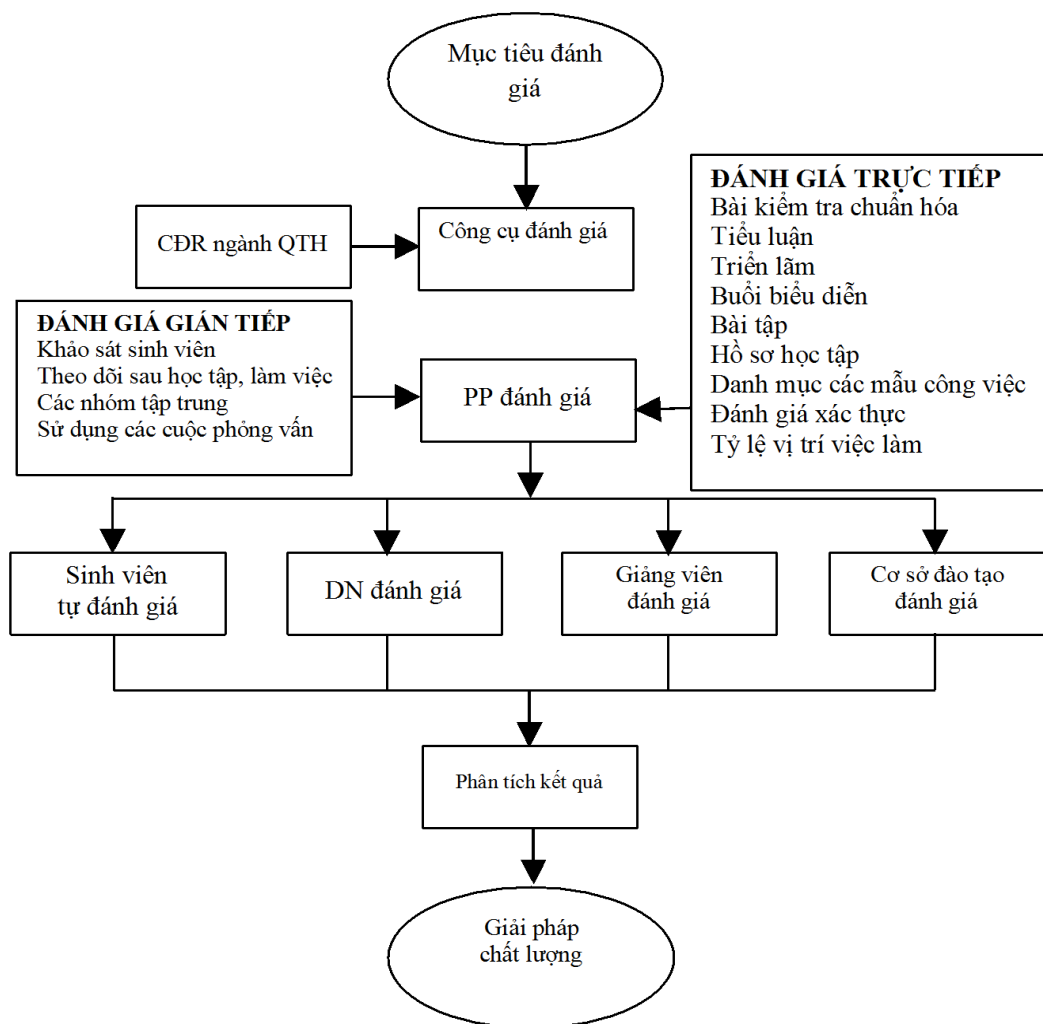
Khảo sát kết quả dự kiến của sinh viên trước khi tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp năm 2017) cho thấy có 4,19% xếp loại xuất sắc, 20,96% loại giỏi, 64,67% xếp loại khá và 10,18% loại trung bình. Qua so sánh kết quả tự đánh giá và kết quả dự kiến xếp loại tốt nghiệp cho thấy tỷ lệ sinh viên tự đánh giá năng lực của bản thân khá tương ứng với dự kiến kết quả xếp loại tốt

nghiệp. Tỷ lệ sinh viên đạt mức năng lực biết, hiểu và vận dụng còn ở mức khá cao tương ứng với mức xếp loại học tập khá và trung bình cũng tương đối cao. Điều này cũng khá tương ứng với kết quả tốt nghiệp của sinh viên đã tốt nghiệp năm 2017.

6. Kết luận

Mỗi CTĐT đều có công bố CDR của chương trình, theo đó mỗi học phần đều có CDR môn học. Chính vì thế cần gắn kết giữa CDR môn học với CDR của CTĐT, xây dựng ma trận tương quan giữa CDR môn học và CDR chương trình nhằm tạo cho người học có cơ hội tiếp cận và tự tiếp cận, nghiên cứu sâu để hình thành nên các năng lực phù hợp với yêu cầu CDR.

Đối với từng học phần đều có áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá để đảm bảo người học đạt được yêu cầu của học phần. Tuy nhiên đối với CDR của CTĐT thì người học chưa được đánh giá một cách bài bản bằng các bài kiểm tra năng lực hay thực hiện các đánh giá thứ cấp để xác định đúng năng lực đầu ra của người học. Qua nghiên cứu, tác giả đề xuất mô hình đánh giá năng lực đầu ra của sinh viên ngành Quốc tế học như hình 7.



Hình 7. Mô hình đánh giá năng lực đầu ra của sinh viên Quốc tế học

Đối với mỗi nhóm tiêu chí được đưa ra để đánh giá năng lực đầu ra của người học cần phải đối chiếu để xây dựng các giải pháp phù hợp, cụ thể:

- Cải tiến phương pháp đào tạo để đảm bảo nâng cao năng lực cho sinh viên trong việc phát triển năng lực tri thức;
- Xây dựng các học phần theo hướng phát triển năng lực chuyên môn sâu về Quốc tế học cho sinh viên, hướng theo vị trí việc làm và năng lực nghề nghiệp đối với sinh viên ngành Quốc tế học;
- Tăng cường các học phần phát triển kỹ năng, đặc biệt các kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn công việc;
- Nâng cao năng lực ngoại ngữ chuyên ngành cho sinh viên bằng cách tăng cường giảng dạy các học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ;
- Tăng cường mối quan hệ đào tạo giữa nhà trường và đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực Quốc tế học.

Việc đánh giá năng lực đầu ra là quá trình thực hiện nhằm khẳng định năng lực của người học đối với CĐR đã công bố nhằm tạo điều kiện cho người học tự xác định được năng lực bản thân, tự tin tìm việc làm và tự tạo việc làm. Chính vì vậy, trong suốt quá trình học, người học cần được giao thực hiện một chuỗi các nhiệm vụ với các mục đích đánh giá khác nhau với mức độ từ thấp đến cao. Từ việc người học thực hiện các nhiệm vụ như: các bài tập, các dự án, các bài trắc nghiệm, các bài thực hành/tiểu luận... Kết quả đánh giá cho phép giảng viên đưa ra kết luận là người học đạt hay không một năng lực nào. Đảm bảo các năng lực đó phải nằm trong ma trận hình thành năng lực đầu ra của người học đáp ứng yêu cầu CĐR của CTĐT.

Tài liệu tham khảo

- Adam, S. (2006). An introduction to learning outcomes: A consideration of the nature, function and position of learning outcomes in the creation of the European Higher Education Area. In E. Froment, J. Kohler, L. Purser, & L. Wilson (Eds.), *EUA Bologna handbook - Making Bologna work*. Berlin: Raabe Verlag.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010). Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo (22/4/2010).
- Chin, W.W., Marcolin, B.L., & Newsted, P.R. (1996). Partial least squares latent variable modelling approach for measuring interaction effects: results from a Monte Carlo simulation study and voicemail emotion, adoption study. *Proceedings of the 7th International Conference on Information Systems*. Cleveland, OH.
- Dooley, L.M., Paprock, K.E., Sun, I., & Gonzalez, E.G.Y. (2001). Differences in priority for competencies trained between U.S. and Mexican trainers. In O.A. Aliaga (Ed.), *Proceedings of the 2001 Conference of the Academy of Human Resource Development*. Tulsa, Oklahoma: Academy of Human Resource Development.
- Katz, R.L. (1974). Skills of an effective administrator. *Harvard Business Review*, 52(5), 90-102.
- Lê Chi Lan (2015). *Tác động của yêu cầu từ người sử dụng lao động đến chương trình đào tạo đại học khối ngành Kinh tế (nghiên cứu trường hợp tại một số trường được lựa chọn tại Thành phố Hồ Chí Minh)*. Luận án tiến sĩ. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Ngô Doãn Đãi (2008). *Kiểm định chương trình đào tạo ở Việt Nam*. Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học tại Việt Nam với yêu cầu hội nhập.
- Ohia, U.O. (2006). *F.A.M.O.U.S.: An innovative and streamlined assessment planning and documentation system*. Paper presented at SACS Annual Meeting.

Ohia, U.O. (2009). FAMOUS Assessment website: <http://www.famousassessment.com/>. In T. Banta et al. (Eds.), *Designing effective assessment: principles and profiles of good practices* (p. 284). San Francisco: Jossey-Bass

Rogers, G. (2003). *Assessment for quality assurance*. The Rose-Hulman Institute of Technology. Retrieved from http://www.abet.org/Linked%20Documents-UPDATE/Assessment/QualAssurance_Corrected_May2004.pps

Trần Khánh Đức (2013). *Nghiên cứu nhu cầu và xây dựng mô hình đào tạo theo năng lực trong lĩnh vực giáo dục*. Đề tài Trọng điểm Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số: QGTD, 2013.

LEARNING OUTCOMES ASSESSMENT MODEL FOR UNDERGRADUATE STUDENTS OF INTERNATIONAL STUDIES IN VIETNAM

Abstract: The goal of education in Vietnam in the current period is to actively integrate and improve the quality of higher education. Building a model for evaluating students' output competencies is the basis for developing and adjusting the curricula to meet society's demands. Students' output capacity is the result of the education and training process at university. Due to the global competitive tendencies, universities focus on training qualified and competitive human resources, capable of entering the international labour market. Students of International Studies (IS) are trained in a multidisciplinary field therefore, and learning outcomes assessments are seen as the prerequisite for asserting the quality of human resources from this training program.

Keywords: evaluation model; output capacity; international studies; competence assessment; education quality